

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 29/11/2016**

---

Tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	08 – 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 – 47

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016.

**Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng thành viên**

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Yên	Thành viên
Ông Lê Vĩnh Phúc	Thành viên
Bà Trịnh Bích Hồng	Thành viên
Ông Đặng Tài Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phạm Văn Yên	Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phùng Tiên Toàn**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017*



Số: 54 /2017/KT-AVHN-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/12/2017, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 29/11/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hợp nhất từ báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và các báo cáo tài chính riêng của các công ty con, vì vậy báo cáo tài chính hợp nhất chịu ảnh hưởng bởi các hạn chế kiểm toán được nêu trong báo cáo tài chính tổng hợp/riêng đã được kiểm toán của các đơn vị này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Bằng các thủ tục kiểm toán cần thiết, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013 của Công ty nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số dư này mang sang các năm sau và ảnh hưởng của các số dư này tới các chỉ tiêu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 29/11/2016.
2. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 của công ty con - Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với tổng tài sản: 31.335.308.377 VND; nợ phải trả: 19.973.031.578 VND; doanh thu thuần: 24.191.019.487 VND; giá vốn hàng bán: 21.270.808.815 VND; lợi nhuận sau thuế: 254.703.946 VND.  
Báo cáo kiểm toán độc lập số 68/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 10/01/2017 về báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.
3. Chúng tôi không được tham gia quan sát công việc kiểm kê hàng tồn kho của Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội và tiền mặt của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận các số dư này được trình bày tại chỉ tiêu "Hàng tồn kho" tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016 với số tiền lần lượt là 17.519.290.261 VND và 137.866.088 VND; chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" tại ngày 01/01/2016 và ngày 29/11/2016 với số tiền lần lượt là 17.540.236.262 VND và 2.226.278.901 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.
4. Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu, xác nhận số dư công nợ phải thu, phải trả và vay ngắn hạn tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận số dư tại ngày 01/01/2016 và ngày 29/11/2016, bao gồm: phải thu của khách hàng lần lượt là 17.671.518.454 VND và 10.947.215.379 VND; phải thu khác lần lượt là 17.031.169.499 VND và 565.082.660 VND; tạm ứng lần lượt là 0 VND và 420.033.121 VND; trả trước cho người bán lần lượt là 5.760.590.822 VND và 4.920.036.753 VND; vay ngắn hạn lần lượt là 509.000.000 VND và 212.101.379 VND; vay dài hạn lần lượt là 499.953.917 VND và 499.953.917 VND; phải trả cho người bán lần lượt là 1.280.358.068 VND và 1.183.591.668 VND; người mua trả tiền trước lần lượt là 117.557.169 VND và 0 VND; các khoản phải trả, phải nộp khác lần lượt là 1.802.007.498 VND và 978.778.094 VND; được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn" và "Nợ phải trả" tại ngày 01/01/2016 và ngày 29/11/2016 của bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.
5. Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu các khoản đầu tư tài chính tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016 được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo với số tiền lần lượt là 9.522.444.450 VND và 59.874.279.348 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận các số dư này.
6. Chúng tôi chưa được cung cấp thông tin và bằng chứng về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại các đơn vị nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở để kiểm tra tính đúng đắn trong việc phân loại các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty thành đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.
7. Chúng tôi không thu thập được giá thị trường và tỷ lệ quyền biểu quyết của các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty khác tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần của các khoản đầu tư này được trình bày tại chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn", "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" và "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" của bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

8. Do được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con - Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế sau ngày 29/11/2016 nên chúng tôi đã không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê tiền mặt của Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế tại thời điểm cuối kỳ hoạt động. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về số dư tiền mặt của Công ty này tại ngày 01/01/2016 và 29/11/2016 với số lần lượt là 967.208.098 VND và 1.030.154.917 VND được trình bày tại chi tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo cũng như ảnh hưởng của chi tiêu này tới các chi tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 29/11/2016.
9. Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế chưa thu thập được biên bản đối chiếu, xác nhận số dư vay ngắn hạn tại ngày 29/11/2016. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về số dư này tại ngày 29/11/2016 với số tiền là 470.000.000 VND được trình bày tại chi tiêu “Vay ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.
10. Chúng tôi không nhận được thư xác nhận về số dư tại ngày 29/11/2016 của các khoản phải thu khác với số tiền 953.268.150 VND và khoản ký cược, ký quỹ số tiền 1.102.000.000 VND của công ty con - Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình được trình bày tại chi tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo. Các thủ tục kiểm toán khác cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chúng tôi có thể đưa ra ý kiến nhận xét của các số dư này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chi tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016.
11. Như đã trình bày tại thuyết minh số 10 của phần thuyết minh báo cáo tài chính:  

Tại ngày 29/11/2016, tổng số dư phải thu khách hàng đã quá hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco là 907.177.000 VND, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ quá hạn này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn này vì cho rằng có thể thu hồi được khoản nợ này trong tương lai và chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo chưa được trình bày theo giá trị có thể thu hồi được.

Tại ngày 29/11/2016, tổng số dư phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình đã quá hạn là 794.821.767 VND, giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ quá hạn này là 397.696.337 VND. Tuy nhiên, tại ngày 29/11/2016, Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình không thu thập được đầy đủ hồ sơ cho các khoản nợ quá hạn nêu trên để có cơ sở trích lập dự phòng. Do đó, Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn này và chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo chưa được trình bày theo giá trị có thể thu hồi được.
12. Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco sau ngày 29/11/2016 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục thay thế để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tiền mặt của Công ty này được trình bày tại chi tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo tại ngày 29/11/2016 với số tiền 163.014.733 VND cũng như ảnh hưởng của chi tiêu này đến chi tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016.
13. Chúng tôi không nhận được thư xác nhận về số dư các khoản phải trả người bán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco tại ngày 29/11/2016 với số tiền 387.376.463 VND được trình bày tại chi tiêu “Phải trả cho người bán” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo. Các thủ tục kiểm toán khác cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chúng tôi có thể đưa ra ý kiến nhận xét về các số dư này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chi tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

14. Chúng tôi không nhận được thư xác nhận vốn góp của một số cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco với tổng số vốn góp tại ngày 29/11/2016 là 1.181.400.000 VND. Các thủ tục kiểm toán khác cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chúng tôi có thể đưa ra ý kiến nhận xét về vốn góp của các cổ đông này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016.
15. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tuy nhiên, trong phạm vi công việc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi chưa thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác nhận chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2014 là số chuyển tiếp sang số đầu năm và được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày đầu năm hay không và ảnh hưởng của chỉ tiêu này đến các chỉ tiêu khác mang sang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 29/11/2016.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 29/11/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.1 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được lập trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, các chính sách kế toán trong năm được Công ty tuân thủ theo các quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính này, Công ty đã điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế.
2. Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.7 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80%, 20% là vốn tự có của Công ty trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của cảng hiện tại tại ICD Mỹ Đình và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

Theo quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình, tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III/2017. Theo đó, nhà cửa, vật kiến trúc được xây dựng trên đất của Công ty tại cảng ICD Mỹ Đình sẽ phải chuyển nhượng hoặc phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình trên đất thuê của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng là 13 năm và một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng còn lại trên 33 tháng vì Công ty đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi dự án này.

3. Theo thuyết minh số 9 và 19 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý” tại ngày 29/11/2016 với giá trị 1.226.651.948 VND và chỉ tiêu “Tài sản thừa chờ giải quyết” tại thuyết minh số 19 “Phải trả ngắn hạn khác” tại ngày 29/11/2016 với giá trị 379.358.700 VND là số Công ty mẹ nhận bàn giao của Xí nghiệp Giao nhận Kho vận và bàn giao cho Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình theo Quyết định số 61/QĐ ĐTTM-DV ngày 19/12/2014. Theo đó, tài sản thiếu chờ xử lý của Công ty tại ngày 29/11/2016 là 1.709.867.698 VND phát sinh từ năm 2014 nhưng vẫn chưa được xử lý tại ngày 29/11/2016.
4. Như đã trình bày tại thuyết minh số 6 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, về tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại các Công ty liên kết, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty vào các Công ty này thấp hơn 20% và không có căn cứ chắc chắn về tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích nên Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 29/11/2016.
5. Đến ngày 29/11/2016, cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco đã góp được 8.874.756.641 VND, số vốn còn thiếu so với số vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500563716 thay đổi lần thứ 05 ngày 21/01/2014 là 7.125.243.359 VND.
6. Tại ngày 29/11/2016, các cổ đông của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình chưa góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106286937 thay đổi lần thứ 4 ngày 15/11/2016. Theo đó, số vốn góp thiếu là 7.235.316.185 VND.
7. Tại ngày 29/11/2016, các cổ đông của Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế thực hiện góp vốn điều lệ thấp hơn so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7, số 0105619421 ngày 23/03/2016. Theo đó, số vốn góp thiếu là 2.632.424.000 VND.
8. Theo thuyết minh số 11 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Gói thầu 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình với số tiền 1.283.709.133 VND phát sinh từ trước năm 2014 nhưng chưa được thanh lý và chưa được xử lý.
9. Như đã trình bày tại thuyết minh số 32 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty trở thành Công ty Cổ phần kể từ ngày 30/11/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100410052 ngày 30/11/2016 do phòng đăng ký kinh Doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố



**Trần Ngọc Anh**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0487-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện\***

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

**Vũ Thị Hải**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3396-2015-055-1



(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>386.258.715.132</b>	<b>314.325.915.920</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>50.184.031.276</b>	<b>49.171.707.560</b>
1. Tiền	111		25.119.438.955	42.266.508.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.064.592.321	6.905.199.456
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.917.051.900</b>	<b>10.917.051.900</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	10.917.051.900	10.917.051.900
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>312.850.885.596</b>	<b>223.877.942.619</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	108.599.792.149	163.070.332.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.713.296.824	8.059.111.635
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	193.827.928.925	50.919.235.054
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	1.709.867.698	1.829.263.423
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.716.514.167</b>	<b>26.511.810.518</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	9.716.514.167	26.511.810.518
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.590.232.193</b>	<b>3.847.403.323</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	330.263.700	346.933.552
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		501.237.824	2.431.177.172
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.1	1.758.730.669	1.069.292.599
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.661.360.404</b>	<b>195.731.503.372</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.000.000</b>	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	1.000.000.000	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.022.340.763</b>	<b>67.742.724.153</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	64.958.738.645	67.717.455.335
- Nguyên giá	222		134.998.698.209	131.776.512.244
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70.039.959.564)	(64.059.056.909)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	63.602.118	25.268.818
- Nguyên giá	228		100.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.397.882)	(24.731.182)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>3.779.463.470</b>	<b>4.153.534.788</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.779.463.470	4.153.534.788
<b>V- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>131.138.745.148</b>	<b>120.497.028.249</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.2	79.418.122.128	70.120.668.243
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.2	51.720.623.020	50.376.360.006
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.720.811.023</b>	<b>3.338.216.182</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	2.720.811.023	3.338.216.182
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>589.920.075.536</b>	<b>510.057.419.292</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 29 tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>249.704.859.520</b>	<b>175.173.281.730</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>242.826.905.608</b>	<b>168.199.994.481</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	60.620.524.615	76.417.351.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.412.022.464	2.379.962.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.2	3.954.958.983	5.115.938.713
4. Phải trả người lao động	314		2.770.305.147	3.350.115.424
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	700.280.741	2.020.682.996
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		529.468.358	15.672.002
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	170.871.957.474	74.097.475.793
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.1	1.386.101.379	1.813.000.000
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		581.286.447	2.989.796.183
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.877.953.912</b>	<b>6.973.287.249</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.2	6.877.953.912	6.973.287.249
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>340.215.216.016</b>	<b>334.884.137.562</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>340.215.216.016</b>	<b>334.884.137.562</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21.a	316.304.382.798	314.197.453.640
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		27.278.962.267	27.278.962.267
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.540.426.313	13.475.480.670
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		481.284.308	481.284.308
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.b	(29.636.279.153)	(32.011.525.484)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(34.129.482.451)	(29.315.831.584)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.493.203.298	(2.695.693.900)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.384.009.472	1.384.009.472
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21.c	10.862.430.011	10.078.472.689
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>589.920.075.536</b>	<b>510.057.419.292</b>

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Bích Hồng



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phùng Tiến Toàn



(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)


MÀU B02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	99.912.677.518	238.118.258.197
2. Các khoản giảm trừ	02	23	-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>99.912.677.518</b>	<b>238.118.258.197</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	24	74.293.464.383	208.165.479.720
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>25.619.213.135</b>	<b>29.952.778.477</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	16.761.966.020	7.537.182.915
7. Chi phí tài chính	22	26	1.195.435.925	2.483.552.742
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.037.540.928</i>	<i>1.086.804.752</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	1.097.354.370
9. Chi phí bán hàng	25	27	-	676.045.456
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	31.390.961.942	44.986.056.864
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>9.794.781.288</b>	<b>(9.558.339.300)</b>
12. Thu nhập khác	31	28	779.961.606	6.556.894.142
13. Chi phí khác	32	28	2.207.107.836	2.306.332.844
14. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>28</b>	<b>(1.427.146.230)</b>	<b>4.250.561.298</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.367.635.058</b>	<b>(5.307.778.002)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	514.601.674	593.069.840
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.853.033.384</b>	<b>(5.900.847.842)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.600.029.311	(4.470.263.997)
20. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		253.004.073	(1.430.583.845)

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Bích Hồng

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phùng Tiến Toàn

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**


Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

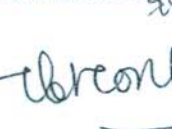
Đơn vị tính: VND

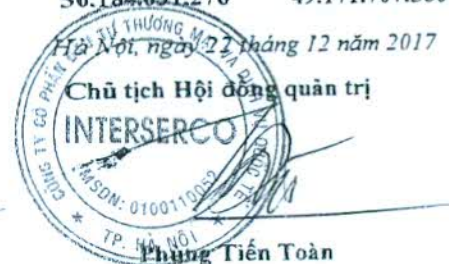
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.367.635.058	(5.307.778.002)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.730.614.980	7.654.476.652
- Các khoản dự phòng	03		-	(4.555.274.108)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		154.217.964	1.097.856.869
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.661.112.023)	(6.252.980.575)
- Chi phí lãi vay	06		1.037.540.928	1.086.804.752
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>9.628.896.907</b>	<b>(6.276.894.412)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.863.859.655)	121.278.340.913
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.795.296.351	55.771.035.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		77.542.260.553	(142.049.153.386)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		634.075.011	11.919.697.174
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.038.654.928)	(1.086.804.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(932.178.958)	(704.935.893)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.274.011.056	14.543.407.983
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.858.865.556)	(26.046.099.641)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.180.980.781</b>	<b>27.348.593.366</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(3.883.464.215)	(8.453.736.287)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		318.150.602	676.334.788
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.641.716.899)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	1.840.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.917.251.900)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.936.568.982
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.721.683.320	673.207.426
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.485.347.192)</b>	<b>22.755.123.009</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu cấp vốn đầu tư	31		2.106.929.158	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		246.100.000	1.016.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(768.331.958)	(66.535.310.488)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(452.539.324)	(250.746.952)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.132.157.876</b>	<b>(65.770.057.440)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>827.791.465</b>	<b>(15.666.341.065)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>49.171.707.560</b>	<b>63.882.384.154</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		184.532.251	955.664.471
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>50.184.031.276</b>	<b>49.171.707.560</b>

Người lập biểu

  
Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

  
Trịnh Bích Hồng





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09 – DN/HN**

*(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tên cũ: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: INTERSERCO

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 454.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tư tỷ đồng chẵn)

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn- Chủ tịch Hội Đồng Thành viên.

Các chi nhánh:

-Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội. Địa chỉ: 1H Bà Triệu, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 0100110052-001;

-Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư Phát triển Văn hóa - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Địa chỉ: 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-003;

-Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội. Địa chỉ: Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-005.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 – DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000254, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải; Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động được khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; Kinh doanh bán hàng miễn thuế; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Công thông tin (trừ hoạt động báo chí);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con(loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**1.3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Đại lý, môi giới, đấu giá; Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Không bao gồm châm cứu, dạy ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức;  
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật).

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
<b>A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)</b>		
1 Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội	1H Bà Triệu, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại
2 Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư Phát triển Văn hóa - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại
3 Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng	Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÀU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

**B Các công ty con**

1 Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	Số 302, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	Kinh doanh thương mại, dịch vụ
2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco	Số 90, đường 79, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp
3 Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	17 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh thương mại, dịch vụ
4 Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	358 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ

**C Các công ty liên doanh, liên kết**

1 Công ty Cổ phần Logistics hàng không (*)		
2 Công ty TNHH Interserco Cao Bằng (*)		
3 Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng (*)		
4 Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam (*)		
5 Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình - Yên Bái (*)		
6 Công ty Cổ phần Interserco -CB (*)		
7 Công ty Cổ phần Interserco 19 (*)		
8 Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế (*)		
9 Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay (*)		
10 Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế (*)		
11 Công ty May Liên doanh Plumy (*)		
12 Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc (*)		
13 Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (*)	Tòa nhà TTTM Interserco, 17 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh thương mại, dịch vụ

(\*) Kèm theo là báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

- **1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

**2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 để phục vụ mục đích bàn giao số liệu tài chính sang Công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÀU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ, các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Công ty mẹ cũng như các đơn vị trực thuộc Công ty và tất cả các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 29/11/2016 của Công ty được lập trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, các chính sách kế toán trong năm được Công ty tuân thủ theo các quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính này, Công ty đã điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế.

Báo cáo tài chính này được lập sau thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (sau ngày 30/11/2016), vì vậy báo cáo tài chính này được đóng dấu “Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế”.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.3 Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 29/11/2016 là 22.650 VND/USD đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản, 22.720 VND/USD đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (tại ngày 31/12/2015 là 22.450 VND/USD đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản, 22.540 VND/USD đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả).

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng....Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CÁI PHỐI  
17/11  
KẾ TOÁN  
17/11  
CÁI PHỐI  
KẾ TOÁN  
17/11



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÀU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

***Đầu tư vào công ty liên doanh:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

***Đầu tư vào công ty liên kết:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:***

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

**Ghi nhận các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

*Việc ghi nhận khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu thực hiện theo các quy định của pháp luật áp dụng cho loại hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Nghị định 71/2013/NĐ-CP, Thông tư 220/2013/TT-BTC và Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Thông tư 219/2015/TT-BTC). Cụ thể:*

*Trước ngày 01/12/2015, khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp tương ứng với số tiền cổ tức được chia.*

*Sau ngày 01/12/2015, khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên doanh, liên kết sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết thì Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên doanh, liên kết.

**4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ,...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Tại Công ty mẹ, theo điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp và điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 do Công ty đang trong giai đoạn cổ phần hóa.

Tại các Công ty con, các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến các hợp đồng xây lắp chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

HỢI GỢI Ý  
VỀ  
NH  
V  
KH  
II  
T  
NH  
TO  
I  
H  
NC  
1  
11



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định bằng giá trị còn lại theo tỷ lệ % còn lại so với nguyên giá tài sản cố định mới mua sắm hoặc mới đầu tư xây dựng. Tỷ lệ này được xác định trên cơ sở nguyên giá mới và giá trị hao mòn lũy kế mới.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Kỳ này</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Các tài sản khác	04 - 25

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80%, 20% là vốn tự có của Công ty trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của cảng hiện tại tại ICD Mỹ Đình và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng.

Theo quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình, tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III/2017. Theo đó, nhà cửa, vật kiến trúc được xây dựng trên đất của Công ty tại cảng ICD Mỹ Đình sẽ phải chuyển nhượng hoặc phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình trên đất thuê của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng là 13 năm và một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng còn lại trên 33 tháng vì Công ty đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi dự án này.

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.9 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

	<b>Kỳ này</b>
	<b>Số năm</b>
Phần mềm máy vi tính	03 - 08

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Lợi thế kinh doanh; chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí đền bù hoa màu và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển xuất dùng, đồ dùng cho thuê được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 01 năm đến 03 năm.

Chi phí đền bù hoa màu được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 45 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

**4.14 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

**4.15 Vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh do Nhà nước đầu tư.

Theo Quyết định số 6988/QĐ - UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Theo quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế phần vốn Nhà nước tại Công ty chiếm 45% vốn điều lệ.

Theo biên bản xác định kết quả đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 06/06/2016 tổng số cổ phần đấu giá thành công là 12.097.600 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.102 VND/cổ phần.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014, theo Quyết định số 6988/QĐ - UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

**4.16 Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.16 Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá..., cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

**4.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: Lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí thuê kho và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09 – DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.20 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 8, 16, 23 và 33.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	4.340.275.616	21.155.066.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.779.163.339	21.111.441.938
Các khoản tương đương tiền	25.064.592.321	6.905.199.456
<b>Cộng</b>	<b>50.184.031.276</b>	<b>49.171.707.560</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.917.051.900</b>	<b>10.917.051.900</b>	<b>10.917.051.900</b>	<b>10.917.051.900</b>
Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	6.917.251.900	6.917.251.900	6.917.251.900	6.917.251.900
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam	259.800.000	259.800.000	259.800.000	259.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000

Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:

Các khoản đầu tư	Ngày hợp đồng	Ngày hết hạn	Tình trạng thu hồi
Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	26/4/2013	6 tháng sau khi ký hợp đồng, hoặc kéo dài hơn do yêu cầu công việc	Chưa thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam	1/4/2014	Không quá 2 tháng kể từ ngày 25/4/2014	Chưa thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30/11/2012	7 tháng sau khi ký hợp đồng	Chưa thu hồi được

**6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	83.937.441.815	79.418.122.128	74.639.987.930	70.120.668.243
Đầu tư vào đơn vị khác	51.720.623.020	51.720.623.020	50.376.360.006	50.376.360.006



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư (VND)
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	33,33%	33,33%	33,33%	45.000.000.000	30.882.394.135
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	3.000.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Interserco - CB	31,25%	31,25%	31,25%	40.000.000.000	1.250.000.000
Công ty May Liên doanh Plumy	22,60%	22,60%	22,60%	832.259.94 USD	3.920.787.063
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (*)	13,49%			135.443.400.000	20.986.496.997
Công ty TNHH Interserco Cao Bằng (*)	4,80%			8.000.000.000	384.000.000
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng (*)	18,75%			6.000.000.000	1.341.000.000
Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình - Yên Bái (*)	8,39%			50.000.000.000	4.725.688.990
Công ty Cổ phần Interserco 19 (*)	17,13%			1.167.586.709	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế (*)	4,85%			198.000.000.000	9.594.973.518
Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay (*)	1,25%			96.000.000.000	2.559.344.585
Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế (*)	16,51%			32.000.000.000	5.281.963.869
Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc (*)	7,89%			8.649.936.961	1.910.792.658
<b>Cộng</b>					<b>83.937.441.815</b>

(\*) Các Công ty liên kết có tỷ lệ vốn góp thực tế thấp hơn 20% và không có căn cứ chắc chắn về tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích nên không đánh giá lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2015, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 29/11/2016 VND
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>83.937.441.815</b>	<b>(4.519.319.687)</b>	<b>79.418.122.128</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30.882.394.135	830.465.609	31.712.859.744
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam	900.000.000	(500.534.705)	399.465.295
Công ty Cổ phần Interserco - CB	1.250.000.000	(928.463.528)	321.536.472
Công ty May Liên doanh Plumy	3.920.787.063	(3.920.787.063)	-
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	20.986.496.997		20.986.496.997
Công ty TNHH Interserco Cao Bằng	384.000.000		384.000.000
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	1.341.000.000		1.341.000.000
Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình - Yên Bái	4.725.688.990		4.725.688.990
Công ty Cổ phần Interserco 19	200.000.000		200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518		9.594.973.518
Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay	2.559.344.585		2.559.344.585
Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế	5.281.963.869		5.281.963.869
Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc	1.910.792.658		1.910.792.658



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Các khoản đầu tư khác</b>				
Dự án khu vườn sinh thái Cầm Đình	42.513.726.109		41.169.463.095	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế - Interfoods	424.720.000		424.720.000	
Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh & ICC Việt Nam	500.000.000		500.000.000	
Công ty Khai thác khoáng sản Interserco An Bình	2.253.010.245		2.253.010.245	
Công ty Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Interserco Hà Nội	125.000.000		125.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Tài chính Vàng Việt Nam	540.000.000		540.000.000	
Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán I	5.064.166.666		5.064.166.666	
<b>Cộng</b>	<b>51.720.623.020</b>		<b>50.376.360.006</b>	

Đơn vị tính: VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

7 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>108.599.792.149</b>	<b>163.070.332.507</b>	
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu	53.110.687.798	93.730.763.808	
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>4.514.597.012</i>	<i>10.274.597.012</i>	
<i>Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng</i>	<i>18.878.342.970</i>	<i>18.237.944.173</i>	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài</i>	<i>24.503.472.000</i>	<i>23.673.014.400</i>	
<i>Công ty Cổ phần JSQ</i>	-	<i>13.475.567.655</i>	
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Laport</i>	-	<i>16.330.029.760</i>	
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC</i>	<i>5.214.275.816</i>	<i>11.739.610.808</i>	
Các khoản phải thu của khách hàng khác	55.489.104.351	69.339.568.699	
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	Mối quan hệ		
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>4.514.597.012</i>	<i>10.274.597.012</i>
<i>Công ty Cổ phần Interserco - CB</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>2.529.465.753</i>	<i>2.529.465.753</i>
<i>Công ty Cổ phần Interserco VCI</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>579.288.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không</i>	<i>Công ty liên kết</i>	-	<i>12.700.380</i>

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>8.1 Ngắn hạn</b>	<b>193.827.928.925</b>	-	<b>50.919.235.054</b>	-
Phải thu về cổ phần hoá	-	-	226.363.636	-
Phải thu người lao động	11.779.198	-	71.734.309	-
Ký cược, ký quỹ	1.102.000.000	-	2.000.000	-
Phải thu cơ quan bảo hiểm	144.415.518	-	83.886.811	-
Phải thu khác	146.460.619.167	-	29.462.290.084	-
<i>Công ty Cổ phần Điện Tử Giảng Võ</i>	<i>5.090.000.000</i>	-	<i>5.147.414.321</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản AZ</i>	<i>115.218.105.584</i>	-	-	-
<i>Bà Trịnh Bích Hồng</i>	-	-	<i>4.800.000.000</i>	-
<i>Bà Phùng Thủy Hoa</i>	<i>4.800.000.000</i>	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không</i>	<i>4.688.750.000</i>	-	<i>3.853.261.095</i>	-
<i>Ông Trịnh Quang Chiến</i>	<i>3.560.333.333</i>	-	<i>3.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>2.883.620.122</i>	-	<i>2.592.560.400</i>	-
<i>Trường trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội</i>	<i>4.253.062.222</i>	-	<i>3.497.240.000</i>	-
<i>Công ty TNHH TARAZ - INTERSERCO</i>	-	-	<i>1.136.727.467</i>	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát</i>	<i>2.698.950.000</i>	-	<i>2.500.000.000</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>3.267.797.906</i>	-	<i>2.935.086.801</i>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	46.109.115.042		21.072.960.214	
Bà Phùng Thủy Hoa	6.960.592.000	-	5.677.592.000	-
Bà Nguyễn Thủy Hương	5.726.404.734	-	5.242.904.734	-
Ông Đặng Tài Hùng	16.770.000.000	-	4.370.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hà	-	-	1.011.746.139	-
Bà Bùi Thị Liên	436.579.308	-	950.137.208	-
Bà Trịnh Bích Hồng	7.370.000.000	-	483.000.000	-
Đối tượng khác	8.845.539.000	-	3.337.580.133	-
<b>8.2 Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	-	-

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
		VND	VND
Phải thu khác là các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	4.688.750.000	3.853.261.095
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Intersero Việt Nam	Công ty liên kết	2.883.620.122	2.592.560.400
Trường trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội	Công ty liên kết	4.253.062.222	3.497.240.000
Bà Phùng Thủy Hoa	Phó Tổng Giám đốc	4.800.000.000	-
Bà Trịnh Bích Hồng	Thành viên Hội đồng thành viên	-	4.800.000.000
Tạm ứng là các bên liên quan			
Bà Phùng Thủy Hoa	Phó Tổng Giám đốc	6.960.592.000	5.677.592.000
Ông Đặng Tài Hùng	Thành viên Hội đồng thành viên	16.770.000.000	4.370.000.000
Bà Trịnh Bích Hồng	Thành viên Hội đồng thành viên	7.370.000.000	483.000.000

9 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hợp đồng đá subbase (1)	483.215.750	483.215.750
Các khoản khác (2)	1.226.651.948	1.346.047.672
<b>Cộng</b>	<b>1.709.867.698</b>	<b>1.829.263.422</b>

(1) Công ty có thực hiện mua bán hợp đồng đá nhưng trong quá trình thực hiện khách mua đã tự ý huỷ hợp đồng. Do đó, lô hàng này được gửi tại bãi của người bán (có biên bản xác nhận). Sau đó, Công ty đã tìm khách hàng để thực hiện bán lô hàng này, đã có nhiều giao dịch nhưng không thành công. Nay, trải qua thời gian dài hàng đã bị vương vãi nhiều, vì lý do hàng đá gửi tại bãi, xe ô tô đi qua lại để nhập hàng nhiều nên khối lượng phần bị thiếu hụt phần bị lún xuống đất theo thời gian.

(2) Là số Công ty mẹ nhận bàn giao của Xí nghiệp Giao nhận Kho vận và bàn giao cho Công ty Cổ phần Intersero Mỹ Đình theo Quyết định số 61/QĐ ĐTTM-DV ngày 19/12/2014. Các khoản công nợ phải thu này không có hồ sơ liên quan để có thể xác định trách nhiệm thu hồi nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

10 NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>76.669.412.019</b>	<b>10.241.304.318</b>	<b>95.377.931.044</b>	<b>30.117.332.089</b>
<i>Các khoản phải thu</i>	71.579.412.019	10.241.304.318	90.230.516.723	30.117.332.089
Thời gian quá hạn trên 6 tháng	1.427.266	999.086	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cơ điện tử ECA (**)	581.968	407.377	-	-
Công ty Du học Minh Long (**)	845.298	591.709	-	-
Thời gian quá hạn: trên 1 năm đến dưới 2 năm	5.191.594.175	2.353.746.238	5.133.094.175	4.641.690.392
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị UDIC- Công ty TNHH MTV	1.504.107.974	752.053.987	1.504.107.974	1.504.107.974
Xí nghiệp xây dựng số 3-Tổng Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng đô thị UDIC	2.409.990.000	1.204.995.000	2.409.990.000	2.409.990.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Vinapol (**)	14.840.200	7.420.100	14.840.200	10.388.140
Công ty TNHH Lựa chọn hoàn hảo (**)	571.597.110	285.798.555	571.597.110	571.597.110
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Din-Interserco Việt Nam (**)	187.337.577	93.668.789	187.337.577	131.136.304
Công ty Cổ phần Phân Phối QNC (**)	1.683.000	841.500	1.683.000	1.178.100
Công ty Cổ phần Interserco số 19 (**)	2.149.114	1.074.557	2.149.114	2.149.114
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Dely (**)	308.000	154.000	308.000	308.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phân phối Zinnia (**)	4.485.500	2.242.750	4.485.500	3.139.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sản xuất và Dịch vụ HD (**)	10.994.000	5.497.000	10.994.000	7.695.800
Công ty Cổ phần Điện tử Giảng võ	484.101.700	-	425.601.700	-
Thời gian quá hạn: trên 2 năm đến dưới 3 năm	23.392.939.982	7.017.881.995	28.514.293.135	14.257.146.568
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	4.514.597.012	1.354.379.104	10.274.597.012	5.137.298.506

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**10 NỢ XẤU (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	18.878.342.970	5.663.502.891	18.237.944.173	9.118.972.087
Công ty Cổ phần xi măng Yên Bình	-	-	1.751.950	875.975
Thời gian quá hạn: trên 3 năm	42.993.450.596	868.677.000	56.583.129.413	11.218.495.129
Công ty TNHH MTV khai thác chế biến khoáng sản Nam Vương	2.670.312.545	-	2.670.312.545	801.093.764
Công ty Cổ phần Thương mại điện máy Việt Long	7.071.103.654	-	9.132.086.816	2.739.626.045
Công ty Cổ phần Vận tải thương mại và xuất nhập khẩu Thiện Tài	24.503.472.000	-	22.377.600.000	6.713.280.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	160.394.403	-	319.394.403	95.818.321
Công ty Cổ phần Interserco - CB	2.529.465.753	-	2.529.465.753	-
Công ty Cổ phần Điện tử Giàng Vỡ (*)	868.677.000	868.677.000	868.677.000	868.677.000
Trường trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội (*)	38.500.000	-	38.500.000	-
Công ty Cổ phần JSQ	-	-	13.475.567.655	-
Công ty Cổ phần Thiết bị vật tư và Công trình	2.374.217.523	-	2.374.217.523	-
Công ty Cổ phần Điện tử Giàng Vỡ	2.339.438.830	-	2.339.438.830	-
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	287.272.267	-	287.272.267	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Đức Nhật	42.763.500	-	62.763.500	-
Công ty Cổ phần Gạch nhẹ Phúc Sơn	43.800.000	-	43.800.000	-
Các đối tượng khác	64.033.121	-	64.033.121	-
Các khoản phải thu khác	5.090.000.000	-	5.147.414.321	-
Công ty Cổ phần Điện tử Giàng Vỡ	5.090.000.000	-	5.147.414.321	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**10 NỢ XẤU (TIẾP THEO)**

(\*) Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Interserco chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu khách hàng quá hạn với số tiền 907.177.000 VND và không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn này vì cho rằng có thể thu hồi được khoản nợ này trong tương lai, đặc biệt khi Công ty cổ phần Điện tử Giàng Võ được cơ cấu lại.

(\*\*): Tại ngày 29/11/2016, tổng số dư phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình đã quá hạn là 794.821.767 VND, giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ quá hạn này là 397.696.337 VND. Tuy nhiên, tại ngày 29/11/2016, Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình không thu thập được đầy đủ hồ sơ cho các khoản nợ quá hạn nêu trên để có cơ sở trích lập dự phòng. Do đó, Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn này

**11 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	866.295.072	-	1.465.208.782	-
Công cụ, dụng cụ	8.304.450	-	8.304.450	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	6.172.632.073	-	5.619.992.475	-
Hàng hoá	2.669.282.572	-	19.418.304.811	-
<b>Cộng</b>	<b>9.716.514.167</b>	<b>-</b>	<b>26.511.810.518</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Gói thầu 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình với số tiền 1.283.709.133 VND phát sinh từ trước năm 2014 nhưng chưa được thanh lý và chưa được xử lý.

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>330.263.700</b>	<b>346.933.552</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.510.627	159.112.914
Phí bảo hiểm, phí đường bộ	33.020.500	78.612.165
Các khoản khác	209.732.573	109.208.473
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>2.720.811.023</b>	<b>3.338.216.182</b>
Công cụ, dụng cụ	708.658.871	1.033.639.532
Chi phí đền bù hoa màu	339.289.601	349.328.894
Lợi thế kinh doanh	210.754.519	325.892.432
Lợi thế thương mại xác định giá trị doanh nghiệp	945.513.312	1.114.555.121
Chi phí trả trước dài hạn khác	516.594.720	514.800.203

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2016	108.116.720.083	7.596.886.135	15.735.260.935	177.769.091	149.876.000	131.776.512.244
Mua trong kỳ		1.458.049.761	716.000.000	423.846.091		2.597.895.852
Đầu tư XDCB hoàn thành	328.236.667	1.281.403.014				1.609.639.681
Thanh lý, nhượng bán			(985.349.568)			(985.349.568)
<b>Số dư tại ngày 29/11/2016</b>	<b>108.444.956.750</b>	<b>10.336.338.910</b>	<b>15.465.911.367</b>	<b>601.615.182</b>	<b>149.876.000</b>	<b>134.998.698.209</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2016	50.452.903.192	4.601.808.748	8.868.267.697	18.044.470	118.032.802	64.059.056.909
Khấu hao trong kỳ	3.949.381.502	846.233.937	1.706.057.257	217.275.584	-	6.718.948.280
Thanh lý, nhượng bán			(738.045.625)			(738.045.625)
<b>Số dư tại ngày 29/11/2016</b>	<b>54.402.284.694</b>	<b>5.448.042.685</b>	<b>9.836.279.329</b>	<b>235.320.054</b>	<b>118.032.802</b>	<b>70.039.959.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2016	57.663.816.891	2.995.077.387	6.866.993.238	159.724.621	31.843.198	67.717.455.335
Số dư tại ngày 29/11/2016	54.042.672.056	4.888.296.225	5.629.632.038	366.295.128	31.843.198	64.958.738.645



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	50.000.000	24.731.182	25.268.818
Tăng trong kỳ	50.000.000	11.666.700	
Giảm trong kỳ	-	-	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>100.000.000</b>	<b>36.397.882</b>	<b>63.602.118</b>

**15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>4.153.534.788</b>	<b>17.020.924.840</b>
Tăng trong kỳ	1.235.568.363	6.262.024.788
Mua sắm tài sản cố định	-	1.609.639.681
Xây dựng cơ bản tài sản cố định	1.235.568.363	4.344.830.895
Sửa chữa tài sản cố định	-	307.554.212
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>1.609.639.681</b>	<b>19.129.414.840</b>
Kết chuyển sang tài sản cố định	1.609.639.681	6.078.739.586
Điều chỉnh theo QĐ 6988/QĐ-UBND	-	1.000.000.000
Kết chuyển giảm khác	-	12.050.675.254
<b>Tại ngày 29 tháng 11 (*)</b>	<b>3.779.463.470</b>	<b>4.153.534.788</b>

(\*) Bao gồm:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án diêm thông quan tại Đức Thượng	2.740.989.149	1.505.420.786
Chi phí khoan khảo sát địa chất công trình văn phòng làm việc tại 358 Đường Láng	700.507.109	700.507.109
Chi phí mua cầu trục	-	1.313.129.681
Dây chuyền băng chuyền	-	296.510.000
Sửa chữa kho cảng Hồng Vân	307.554.212	307.554.212
Các khoản khác	30.413.000	30.413.000
<b>Cộng</b>	<b>3.779.463.470</b>	<b>4.153.534.788</b>

**16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>60.620.524.615</b>	<b>76.417.351.317</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	40.611.534.952	45.061.139.991
<i>Glorious (Singapore) Pte Ltd</i>	36.141.944.618	35.830.582.603
<i>Công ty TNHH Tú Đào</i>	4.469.590.334	9.230.557.388
Phải trả cho các đối tượng khác	20.008.989.663	31.356.211.326

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	803.609.314	1.827.312.392	2.397.359.565	233.562.141
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(25.896.764)	810.520.886	330.319.471	454.304.651
Thuế xuất, nhập khẩu	(10.480.249)	331.226.472	6.537.364	314.208.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(635.175.834)	536.733.670	932.178.958	(1.030.621.122)
Thuế thu nhập cá nhân	373.567.400	771.661.956	1.103.213.714	42.015.642
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.732.840.750	10.562.578.372	12.901.128.811	394.290.311
Các loại thuế khác	(195.839.522)	242.371.570	18.000.000	28.532.048
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	1.004.021.019	757.919.210	2.004.445	1.759.935.784
<b>Cộng</b>	<b>4.046.646.114</b>	<b>15.840.324.528</b>	<b>17.690.742.328</b>	<b>2.196.228.314</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>17.1 Phải thu</b>	<b>1.069.292.599</b>			<b>1.758.730.669</b>
<b>17.2 Phải nộp</b>	<b>5.115.938.713</b>			<b>3.954.958.983</b>

(\*) Bao gồm số tiền truy thu thuế giá trị gia tăng số tiền 357.932.488 VND và tiền vi phạm, chậm nộp số tiền 99.505.232 VND theo biên bản kiểm tra thuế ngày 18/05/2017 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

**18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>700.280.741</b>	<b>2.020.682.996</b>
Lãi vay phải trả	-	1.114.000
Chi phí phải trả khác	700.280.741	2.019.568.996

**19 PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>170.871.957.474</b>	<b>74.097.475.793</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết (***)	379.358.700	461.828.100
Kinh phí công đoàn	91.665.572	39.181.800
Bảo hiểm xã hội	67.762.357	3.999.188
Bảo hiểm y tế	1.482.847	-
Bảo hiểm thất nghiệp	659.400	-
Phải trả về cổ phần hóa	2.117.575	1.691.170.945
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	512.457.536	409.109.719
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	180.000.000	180.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.636.453.487	71.312.186.041
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (*)</i>	<i>45.203.127.617</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)</i>	<i>14.421.955.973</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không (*)</i>	<i>35.493.704.530</i>	<i>-</i>
<i>Số tiền phải nộp về Nhà nước (**)</i>	<i>38.732.629.548</i>	<i>-</i>
<i>Ông Phạm Đức Hạnh</i>	<i>-</i>	<i>2.000.000.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**19 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Glorious (Singapore) Pte Ltd	-	1.122.000.000
Ông Lê Tấn Bình	-	4.780.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	-	7.951.328.520
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1.805.673.418	16.066.424.898
Ông Trương Bình Hiền	580.000.000	6.580.000.000
Bà Đào Thúy Phương	1.700.000.000	1.700.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (*)	25.614.572.920	25.627.937.729
Đối tượng khác	6.084.789.481	5.484.494.894

(\*): Theo công văn số 2998/STC-TCĐN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó sử dụng 40.618.105.584 VND để góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland đảm bảo tỷ lệ vốn góp 26% vốn điều lệ tương ứng 75.400.000.000 VND;

- Báo cáo Sở tài chính về số tiền được các đối tác bồi thường, hỗ trợ và các chi phí theo quy định, để thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt quyết toán vào giai đoạn hậu cổ phần.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1640516/TĐG/BĐS-IVC ngày 05/05/2016 của Công ty Cổ phần thẩm định giá IVC, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế (1)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.354.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
<b>Cộng</b>	<b>11.307.344.849</b>	<b>3.354.611.124</b>	<b>35.493.704.529</b>	<b>45.203.137.617</b>

(1) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(\*\*): Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế: "Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xóa nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đối với số nợ lãi vay còn lại sau khi được xử lý là 848.348.321 đồng, Công ty Cổ phần có trách nhiệm kế thừa và xử lý tiếp theo quy định". Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn thiện thủ tục này.

(\*\*\*): Là số Công ty mẹ nhận bàn giao của Xí nghiệp Giao nhận Kho vận và bàn giao cho Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình theo Quyết định số 61/QĐ ĐTTM-DV ngày 19/12/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm VND		Trong năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>20.1 Vay ngắn hạn</b>						
Các khoản vay	1.386.101.379	1.386.101.379	-	-	1.386.101.379	1.813.000.000
<b>20.2 Vay dài hạn</b>						
Các khoản vay	6.877.953.912	6.877.953.912	672.998.621	372.998.621	6.877.953.912	6.973.287.249
Các khoản vay						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.386.101.379</b>	<b>1.386.101.379</b>	<b>246.100.000</b>	<b>672.998.621</b>	<b>1.813.000.000</b>	<b>1.813.000.000</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Khoản vay của Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	212.101.379	212.101.379	76.100.000	372.998.621	509.000.000	509.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	104.000.000	104.000.000	-	-	104.000.000	104.000.000
Bà Trần Trinh Thục	-	-	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Bà Lao Thị Minh Thư	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	470.000.000	470.000.000	170.000.000	-	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Lữ	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(\*\*\*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 17082015.01/HĐTD/TTKD.HNI ngày 18/08/2015:

Mục đích vay: Vay mua ô tô phục vụ đi lại;

Số tiền vay: 312.000.000 VND;

Thời hạn vay: 36 tháng;

Lãi suất cho vay: trong 06 tháng đầu là 6,9%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần;

Tài sản đảm bảo: theo hợp đồng thế chấp tài sản số 17082015.01/HĐTC/TTKD.HNI NGÀY 18/08/2015 là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT 50 màu xanh mới P4AT2064131 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình.

**Lịch trình trả gốc vay :**

- Số đã trả từ ngày 01/01/2016 đến 29/11/2016 là 95.333.337 VND.
- Số gốc vay phải trả từ 29/11/2016 đến 31/12/2016 là 8.666.663 VND.
- Số gốc vay phải trả trong năm 2017: 104.000.000 VND.
- Số gốc vay phải trả trong năm còn lại là 69.333.332 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>338.671.953.640</b>	-	-	<b>13.816.143.832</b>	<b>205.770.294</b>	<b>(30.735.544.084)</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>24.119.568.717</b>	<b>347.461.901.871</b>
Tăng theo xác định giá trị doanh nghiệp			27.278.962.267					-	27.278.962.267
Lợi nhuận trong năm						(4.470.263.997)		-	(4.470.263.997)
Điều chuyển khoản lỗ công trình Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm					(374.710.260)	374.710.260			-
Phân phối lợi nhuận				41.729.191	702.478.590	(1.285.153.751)			(540.945.970)
Giảm theo quyết định 6988/QĐ-UBND	(24.474.500.000)								(24.474.500.000)
Tăng khác						4.106.631.229			4.106.631.229
Giảm khác				(382.392.353)	(52.254.316)	(1.905.141)		(14.041.096.028)	(14.477.647.838)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>314.197.453.640</b>	-	<b>27.278.962.267</b>	<b>13.475.480.670</b>	<b>481.284.308</b>	<b>(32.011.525.484)</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>10.078.472.689</b>	<b>334.884.137.562</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	2.106.929.158								2.106.929.158
Lợi nhuận trong kỳ						7.600.029.311		-	7.600.029.311
Phân phối lợi nhuận				64.945.643		(560.782.061)		-	(495.836.418)
Tăng khác do hợp nhất						1.743.057.806		783.957.322	2.527.015.128
Giảm khác (**)						(1.684.986.016)		-	(1.684.986.016)
Xử lý vốn nhà nước giai đoạn hậu cổ phần (***)						(4.722.072.709)		-	(4.722.072.709)
<b>Tại ngày 29/11/2016</b>	<b>316.304.382.798</b>	-	<b>27.278.962.267</b>	<b>13.540.426.313</b>	<b>481.284.308</b>	<b>(29.636.279.153)</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>10.862.430.011</b>	<b>340.215.216.016</b>

(\*) Tăng vốn theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

(\*\*) Giảm khác bao gồm điều chỉnh giảm 1.654.001.220 VND tiền cổ tức thu được từ đầu tư trong năm 2015 do đã ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp.

(\*\*\*) Xử lý vốn nhà nước giai đoạn hậu cổ phần: Chuyển lợi nhuận về Nhà nước theo Quyết định 8396/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế (30/11/2016).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

21.a	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số đầu kỳ	314.197.453.640	338.671.953.640
Tăng trong kỳ	2.106.929.158	-
Tăng vốn trong kỳ	2.106.929.158	-
Giảm trong kỳ	-	24.474.500.000
Giảm theo quyết định 6988/QĐ-UBND	-	24.474.500.000
Số cuối kỳ	<u>316.304.382.798</u>	<u>314.197.453.640</u>

**21.b Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số đầu kỳ	(32.011.525.484)	(30.735.544.084)
Tăng trong kỳ	1.743.057.806	4.481.341.489
Tăng khác	1.743.057.806	4.481.341.489
Giảm trong kỳ	(632.188.525)	5.757.322.889
Lợi nhuận giảm trong kỳ	(7.600.029.311)	4.470.263.997
Phân phối lợi nhuận	560.782.061	1.285.153.751
Chia lãi cho cổ đông	452.539.324	459.392.909
Trích quỹ đầu tư phát triển	64.945.643	744.207.781
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	43.297.094	81.553.061
Giảm khác	6.407.058.725	1.905.141
Số cuối kỳ	<u>(29.636.279.153)</u>	<u>(32.011.525.484)</u>

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

	Số lượng VND	Giá trị (VND) VND
LNST chưa phân phối tại 31/12 của công ty mẹ trước hợp nhất	(23.700.359.093)	(26.261.330.178)
LNST chưa phân phối tại 31/12 của công ty con trước hợp nhất	(2.408.451.010)	(8.583.580.998)
Thay đổi lợi nhuận trong năm khi hợp nhất	(3.527.469.050)	2.833.385.692
<b>Cộng</b>	<u>(29.636.279.153)</u>	<u>(32.011.525.484)</u>

**21.c Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	Vốn chủ sở hữu của công ty con tại 31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	Lợi ích cổ đông thiểu số tại 31/12/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình</b>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.764.683.815	49%	1.080.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.103.228.244	49%	1.520.581.840
<b>Cộng</b>	<u>10.867.912.059</u>		<u>2.600.581.840</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**21.c Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)**

	Vốn chủ sở hữu của công ty con tại 31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	Lợi ích cổ đông thiểu số tại 31/12/2016 VND
<i>Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà</i>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.057.756.000	49%	5.417.156.001
Quỹ đầu tư phát triển	209.166.342	49%	102.491.508
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	95.354.456	49%	46.723.683
<b>Cộng</b>	<b>11.362.276.798</b>		<b>5.566.371.192</b>
	VND	(%)	VND
<i>Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế</i>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.367.576.000	49%	3.247.576.000
Quỹ đầu tư phát triển	153.515.978	49%	75.222.829
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.695.067.847)	49%	(1.320.583.245)
<b>Cộng</b>	<b>6.826.024.131</b>		<b>2.002.215.584</b>
	VND	(%)	VND
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế</i>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.874.756.641	49%	1.805.210.000
Quỹ đầu tư phát triển	642.683.000	49%	314.914.670
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.911.965.863)	49%	(1.426.863.275)
<b>Cộng</b>	<b>6.605.473.778</b>		<b>693.261.395</b>
	VND	(%)	VND
<i>Các Công ty con</i>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.064.772.456		11.549.942.001
Quỹ đầu tư phát triển	1.005.365.320		492.629.007
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.408.451.010)		(1.180.140.997)
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.661.686.766</b>		<b>10.862.430.011</b>

**22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ		23.474.500.000		23.474.500.000
Dây chuyền sản xuất viên gỗ		1.000.000.000		1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>24.474.500.000</b>		<b>24.474.500.000</b>

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	713.603,04	405.902,36
Yên Nhật (JPY)	1.539.125,00	1.540.456,00

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**23 DOANH THU**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>99.912.677.518</b>	<b>238.118.258.197</b>
Doanh thu bán hàng hóa	46.008.668.326	148.789.572.927
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.904.009.192	89.328.685.270
<b>Các khoản giảm trừ:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>99.912.677.518</b>	<b>238.118.258.197</b>

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	1.046.661.767	886.958.610
Công ty Cổ phần Interserco VCI	Công ty liên kết	26.625.455	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Din - Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	-	5.412.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	Công ty liên kết	-	522.727.273
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	-	1.162.777.272

**24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	43.000.226.919	138.340.596.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.293.237.464	69.824.882.921
<b>Cộng</b>	<b>74.293.464.383</b>	<b>208.165.479.720</b>

**25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.601.683.320	277.207.426
Lãi bán các khoản đầu tư	10.116.960.467	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	2.517.725.647	4.746.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.740.189	12.503.739
Đã thực hiện	54.740.189	12.503.739
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.470.856.397	2.277.103.573
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	224.368.177
<b>Cộng</b>	<b>16.761.966.020</b>	<b>7.537.182.915</b>

(\*) Bao gồm đã điều chỉnh giảm cổ tức 2015 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không số tiền 3.410.000.000 VND theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT/ALS ngày 30/05/2016 của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không về việc chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.037.540.928	1.086.804.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá	157.894.997	1.108.068.869
Đã thực hiện	3.677.033	10.212.000
Chưa thực hiện	154.217.964	1.097.856.869
Chi phí tài chính khác	-	288.679.121
<b>Cộng</b>	<b>1.195.435.925</b>	<b>2.483.552.742</b>

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	<b>676.045.456</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	641.772.729
Chi phí thuê kho	-	641.772.729
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	34.272.727
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>31.390.961.942</b>	<b>44.986.056.864</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	19.153.435.551	21.687.280.123
Lương và các khoản trích theo lương bộ phận quản lý doanh nghiệp	19.153.435.551	21.687.280.123
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.237.526.391	23.298.776.741

**28 LỢI NHUẬN KHÁC**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	318.150.602	676.334.788
Các khoản khác	461.811.004	2.384.080.786
Thu nhập khác của Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	-	3.496.478.568
<b>Thu nhập khác</b>	<b>779.961.606</b>	<b>6.556.894.142</b>
Tiền phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	777.948.508	255.404.098
Tiền phạt vi phạm hành chính về hải quan (*)	1.159.078.459	-
Công nợ bán pháo hoa	225.000.000	-
Chi phí khác	45.080.869	899.831.203
Chi phí khác của Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	-	1.151.097.543
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.207.107.836</b>	<b>2.306.332.844</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.427.146.230)</b>	<b>4.250.561.298</b>

(\*) Theo Quyết định số 2813/QĐ-HQHN ngày 25/11/2009 về việc sửa đổi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan trong lĩnh vực thuế và Quyết định số 70/QĐ-ĐTGC ngày 01/02/2010 về việc truy thu thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

**29 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Công ty con	514.601.674	593.069.840
<b>Cộng</b>	<b>514.601.674</b>	<b>593.069.840</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.508.409.840	10.940.445.494
Chi phí nhân công	20.381.525.686	23.995.199.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.730.614.980	7.654.476.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.464.709.526	41.524.032.061
Chi phí khác	11.151.578.972	21.066.145.934
<b>Cộng</b>	<b>63.236.839.004</b>	<b>105.180.299.955</b>

**32 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 30/11/2016, Công ty đã Cổ phần hóa theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015. Tên Công ty mới là Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế, vốn điều lệ 360.000.000.000 VND, tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động ngày 29/11/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 29/11/2016.

**33 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	Quan hệ với Công ty	Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính - Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	1.118.975.647	940.000.000
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	Công ty liên kết	-	216.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	1.278.750.000	3.410.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay	Công ty liên kết	120.000.000	180.000.000

**Thu nhập khác**

Công ty Cổ phần Interserco VCI	Công ty liên kết	500.000.000	-
--------------------------------	------------------	-------------	---

*Số dư với các bên liên quan:*

		Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Interserco số 19	Công ty liên kết	480.483.900	480.483.900

*Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc*

		Kỳ này VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc</b>			
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		2.419.157.500	3.303.379.709
<b>Cộng</b>		<b>2.419.157.500</b>	<b>3.303.379.709</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

34 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế.

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ - INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần Bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m2 tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp vốn thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng - Hoài Đức - Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCĐN ngày 30/5/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (Hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (Bảy mươi năm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác bồi thường hỗ trợ"

Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland đang được thực hiện.

35 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

**CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực..... Quyền số.....

*[Handwritten signature]*  
01/02/2018

Người lập biểu chứng thực  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phùng Tiên Toàn

PHÓ CHỦ TỊCH

*Vũ Thị Hải Vân*